

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHSP TĐTT HÀ NỘI**



SỔ TAY HỌC VIÊN

NĂM HỌC 2020 - 2021

(SỬ DỤNG CHO KHÓA CAO HỌC 8)

HÀ NỘI - NĂM 2020

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	1
PHẦN 1. THÔNG TIN VỀ TRƯỜNG	2
<i>1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Nhà trường</i>	<i>2</i>
<i>1.2. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục</i>	<i>3</i>
1.2.1. Sứ mạng	3
1.2.2. Tầm nhìn	4
1.2.3. Giá trị cốt lõi	4
1.2.4. Triết lý giáo dục	4
<i>1.3. Giới thiệu Khoa đào tạo sau đại học</i>	<i>4</i>
PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	5
<i>2.1. Kiến thức</i>	<i>5</i>
<i>2.2. Kỹ năng</i>	<i>5</i>
<i>2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>	<i>6</i>
PHẦN 3. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO	7
PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN	8
<i>4.1. Mô tả tóm tắt các học phần trong chương trình đào tạo</i>	<i>8</i>
<i>4.2. Phương pháp giảng dạy và học tập</i>	<i>13</i>
<i>4.3. Phương pháp kiểm tra đánh giá</i>	<i>15</i>
PHẦN 5. QUY ĐỊNH VỀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ	16

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Bộ GD&ĐT	- Bộ Giáo dục và Đào tạo
----------	--------------------------

CTĐT	- Chương trình đào tạo
------	------------------------

ĐHSP	- Đại học sư phạm
------	-------------------

TDTT	- Thể dục thể thao
------	--------------------

GDTC	- Giáo dục thể chất
------	---------------------

NCKH	- Nghiên cứu khoa học
------	-----------------------

GDQP&AN	- Giáo dục quốc phòng và an ninh
---------	----------------------------------

LỜI GIỚI THIỆU

Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội có chức năng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, huấn luyện viên Thể dục thể thao (TDTT) trình độ đại học và sau đại học và các trình độ khác; Nghiên cứu và ứng dụng khoa học giáo dục thể chất; Đào tạo kiến thức quốc phòng và an ninh cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khu vực Hà Nội.

Theo Quyết định số 585/QĐ-BGDĐT ngày 07/02/2013, Trường Đại học sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo chuyên ngành Giáo dục thể chất trình độ thạc sĩ. Đến tháng 3/2018, theo Quyết định số 800/QĐ- BGDDĐT ngày 12/3/2018, chuyển đổi tên ngành đào tạo thạc sĩ là ngành Giáo dục học.

Hình thức đào tạo ngành Giáo dục học của Nhà trường theo quy chế đào tạo tín chỉ, áp dụng từ năm học 2018 - 2019. Để hoàn thành tốt việc học tập tại Trường, ngoài việc nhận được sự hướng dẫn từ Khoa đào tạo Sau đại học, giảng viên và các phòng chức năng, mỗi học viên cần biết thông tin về chương trình đào tạo, Quy chế, quy định đào tạo, kế hoạch đào tạo toàn khóa, ... Do đó, cuốn **“Sổ tay học viên”** được coi là cẩm nang cung cấp cho học viên từ đầu khóa học những thông tin cần thiết về ngành đào tạo.

Sổ tay bao gồm các nội dung:

- Giới thiệu về Trường ĐHSPTT Thể dục thể Thao Hà Nội
- Chương trình đào tạo ngành Giáo dục học
- Các quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ

Tôi tin tưởng rằng các bạn học viên sẽ coi cuốn sổ tay này như một người bạn đồng hành của mình và sử dụng nó một cách hiệu quả nhất trong quá trình học tập, nghiên cứu tại Trường.

Chúc các học viên học tập thành công!

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Duy Quyết

PHẦN 1 - THÔNG TIN VỀ TRƯỜNG

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Nhà trường

Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội, tiền thân là trường TDTT, thuộc Bộ Giáo dục, được thành lập ngày 27/02/1961 (tại Quyết định số: 99/QĐ, ngày 27/02/1961 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền, ký quyết định).

Trải qua hơn nửa thế kỷ, Trường đã có nhiều lần được thay đổi tên gọi cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ. Ngày 04/11/1961, Trường TDTT được đổi tên thành: Trường Trung cấp TDTT (Tại Quyết định số: 790/QĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền ký Quyết định). Đầu năm 1967: Bộ Giáo dục có Quyết định số 102/QĐ, ngày 03/4/1967 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền, ký quyết định thành Trường Sư phạm Trung cấp TDTT, sau đổi tên thành: Trường Sư phạm Thể dục Trung Ương.

Năm 1968: Bộ Giáo dục có quyết định thành lập tại Trường Sư phạm Thể dục Trung Ương lớp Âm nhạc (Tại Quyết định số 191/QĐ, ngày 06/6/1968, do Thứ trưởng Lê Liêm, ký Quyết định).

Năm 1970: Bộ Giáo dục có Quyết định số: 164/QĐ, ngày 07/3/1970, do Thứ trưởng Võ Thuận Nho, ký Quyết định v/v thành lập phân hiệu Hệ sư phạm Hóa và thành lập phân hiệu Hệ sư phạm Nhạc, đặt trong hệ của Trường Sư phạm Thể dục Trung Ương.

Sau khi Trường có thêm 02 phân hiệu Hệ Sư phạm Nhạc và Hệ Sư phạm Hóa. Cuối năm 1971: Bộ Giáo dục có Quyết định số 1499/QĐ, ngày 27/12/1971, do Thứ trưởng Lê Liêm, ký Quyết định đổi tên Trường Sư phạm Thể dục Trung Ương thành: Trường Sư phạm Thể dục - Nhạc - Hóa Trung Ương.

Đến năm 1972: Bộ Giáo dục có Quyết định số 731/QĐ, ngày 18/10/1972, do Thứ trưởng Lê Liêm, ký chia tách Trường Sư phạm Thể dục, Nhạc, Hóa Trung Ương thành 02 trường: đó là Trường sư phạm Thể dục Trung Ương và Trường sư phạm Nhạc, Hóa Trung Ương.

Đến năm 1973: Bộ Giáo dục có Quyết định số: 209/QĐ, ngày 31/3/1973 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền, ký quyết định hủy bỏ quyết định số 731/QĐ, ngày 18/10/1972 v/v chia tách Trường Sư phạm Thể dục - Nhạc - Hóa Trung Ương thành 02 trường nói trên, trở lại thành một trường theo tên gọi cũ là: Trường Sư phạm Thể dục-Nhạc-Hóa Trung ương.

Đầu năm 1981: Trường Sư phạm Thể dục - Nhạc - Họa Trung Ương, được nâng cấp và đổi tên thành: Trường Cao đẳng sư phạm Thể dục - Nhạc - Họa Trung ương.

Năm 1985, tại QĐ số: 261/HĐBT, ngày 07/11/1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) do Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Tố Hữu, ký quyết định chia tách Trường Cao đẳng sư phạm Thể dục - Nhạc - Họa Trung Ương thành 02 trường, đó là: Trường Cao đẳng Sư phạm Thể dục Trung Ương số 1 và Trường Cao đẳng Sư phạm Nhạc - Họa Trung ương.

Năm 2003, tại Quyết định số: 83/QĐ-TTg, ngày 05/5/2003 do Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Gia Khiêm, ký quyết định nâng cấp và đổi tên Trường Cao đẳng sư phạm Thể dục Trung Ương số 1 thành Trường ĐHSP TDTT Hà Tây.

Năm 2008, tại Quyết định số: 1647/QĐ-TTg, ngày 14/11/2008 do Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Thiện Nhân, ký quyết định đổi tên Trường ĐHSP TDTT Hà Tây thành Trường ĐHSP TDTT Hà Nội.

Năm 2013, theo Quyết định số 585/QĐ-BGDĐT ngày 07/02/2013, Trường Đại học sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội được Bộ GD&ĐT giao nhiệm vụ đào tạo chuyên ngành Giáo dục thể chất trình độ thạc sĩ và được đổi tên là Ngành Giáo dục học năm 2018.

Trải qua gần 60 năm xây dựng và phát triển, chặng đường nửa thế kỷ Trường đã đạt nhiều thành tích xuất sắc về đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật trong TDTT. Trường luôn khẳng định vị thế của mình, tiên phong trong đổi mới phương pháp giảng dạy đào tạo giáo viên Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng và An ninh (GDQP&AN), trở thành một trong những cơ sở đào tạo và nghiên cứu có uy tín.

Trường cũng đã vinh dự được nhận Huân chương Lao động Hạng nhất (năm 2006), Huân chương Lao động Hạng Nhì (năm 2001), Huân Chương Độc lập Hạng Ba (năm 2016), và nhiều bằng khen của Thủ tướng chính phủ, Bộ GD&ĐT và các bộ ngành khác.

1.2. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục

1.2.1. Sứ mạng

Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội có sứ mạng: Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên Giáo dục thể chất (GDTC), giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển thể chất, nâng cao sức khỏe, bồi dưỡng tài năng thể dục thể thao và GDQP&AN cho học sinh, sinh viên; hướng tới cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.2.2. Tầm nhìn

Đến năm 2030 trở thành trường đại học trọng điểm về đào tạo giáo viên GDTC, GDQP&AN; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng tài năng trẻ TDTT; nghiên cứu khoa học về lĩnh vực GDTC, TDTT, GDQP&AN; nơi tập trung các chuyên gia, giảng viên trình độ cao, có các chương trình đào tạo liên kết quốc tế có uy tín, có cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại với các dịch vụ chất lượng cao.

1.2.3. Giá trị cốt lõi: Chất lượng - Hiệu quả - Phát triển bền vững.

1.2.4. Triết lý giáo dục: Cùng nhau kiến tạo cơ hội.

1.3. Giới thiệu Khoa Đào tạo sau đại học

Khoa Đào tạo sau đại học là đơn vị thuộc Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội. Năm 2009, Khoa thành lập với tên gọi Khoa tại chức và sau đại học. Năm 2011, Khoa được đổi tên thành phòng Đào tạo sau đại học và Hợp tác quốc tế. Năm 2015 đến nay, Khoa được đổi tên thành Khoa đào tạo sau đại học.

Khoa Đào tạo sau đại học có chức năng tham mưu, giúp Hiệu trưởng thực hiện công tác đào tạo trình độ sau đại học; công tác nghiên cứu khoa học và các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng. Hiện Khoa đang thực hiện đảm nhiệm đào tạo chương trình ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ; Khoa có mối quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học trong nước và quốc tế, hằng năm tham mưu cho Nhà trường thực hiện các thỏa thuận hợp tác ký kết nhiều chương trình về hoạt động trao đổi hợp tác nghiên cứu khoa học. Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, đơn vị liên tục được công nhận tập thể lao động xuất sắc, Bằng khen của Bộ GD&ĐT; nhiều năm liền được Hiệu trưởng tặng Giấy khen có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

Cơ cấu tổ chức khoa đào tạo sau đại học năm học 2020-2021

TT	Họ tên	Chức vụ	Số ĐT liên hệ	Ghi chú
1	TS. Đỗ Mạnh Hưng	Trưởng khoa	0904171689	
2	Ths. Nguyễn Thị Hằng	Phó trưởng khoa	0982102876	
3	TS. Lê Thanh	Giảng viên	0987394148	
4	Ths. Phạm Thị Linh	Chuyên viên	0395555828	
5	Ths. Nguyễn Hải Sơn	Chuyên viên	0788352999	
6	Ths. Phùng Xuân Trường	Chuyên viên	0912154187	

PHẦN 2 – CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Kiến thức

- Vận dụng kiến thức cơ bản Triết học Mác Lênin về thế giới quan khoa học, phương pháp luận khoa học, phương pháp tư duy logic vào phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội trong thực tiễn.

- Phân tích và vận dụng kiến thức nâng cao về lý luận, y sinh học, tâm lý, giáo dục, tổ chức quản lý, giảng dạy, huấn luyện, nghiên cứu khoa học, phương pháp đo lường tiên tiến, áp dụng vào thực tiễn nhằm giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Giáo dục thể chất và Thể dục thể thao.

- Phân tích và vận dụng kiến thức về kinh tế, xã hội học thể thao, thể thao và giải trí, vào thực tiễn quản trị và quản lý và phát triển thể dục thể thao cho mọi người.

- Vận dụng kiến thức lý thuyết chuyên sâu chuyên ngành vào việc phân tích, đánh giá thực tiễn hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực Giáo dục thể chất, Thể dục thể thao và các lĩnh vực khoa học khác có liên quan.

2.2. Kỹ năng

- Khả năng giảng dạy, huấn luyện theo phương pháp hiện đại nhằm trang bị kiến thức cho người học; phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu thể thao tại các cơ sở giáo dục, đào tạo và huấn luyện vận động viên Thể dục thể thao.

- Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin công việc phức tạp trong hoạt động Giáo dục thể chất và Thể dục thể thao để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.

- Kỹ năng tổ chức, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học về lĩnh vực Giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao.

- Kỹ năng phân tích các dữ liệu trong kiểm tra sư phạm, kiểm tra y sinh học nhằm đánh giá mức độ phát triển thể chất, trình độ tập luyện và lượng vận động trong hoạt động giáo dục thể chất và Thể dục thể thao.

- Có khả năng tổ chức, lập kế hoạch, quản lý, tiếp thị, truyền thông trong lĩnh vực Giáo dục thể chất và Thể dục thể thao.

- Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm để giải quyết công việc hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.

- Có khả năng sử dụng ngoại ngữ để trao đổi học thuật và đọc tài liệu, đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp và đề xuất những sáng kiến có giá trị trong thực tiễn.

- Khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn cho người khác

- Khả năng đưa ra những kết luận mang tính định hướng về các vấn đề của hoạt động nghề nghiệp; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn.

- Khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

- Có bản lĩnh nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm trong công việc được giao.

PHẦN 3. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số HP	Số giờ	Học kỳ			
						Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4
1. Khối kiến thức chung									
1	TCTH801	Triết học	04	1	60	60			
2	TCTA802	Tiếng Anh	06	2	90	45	45		
2. Khối kiến thức ngành									
2.1. Các học phần bắt buộc									
1	SLTT803	Sinh lý học TDTT	04	1	60		60		
2	YHTT804	Y học TDTT	03	1	45			45	
3	LLTT805	Lý luận và phương pháp GDTC	04	1	60		60		
4	NCKH806	Phương pháp NCKH TDTT	03	1	45	45			
5	DLTT807	Đo lường thể thao	03	1	45	45			
6	TTTH808	Thể thao trường học	02	1	30			30	
2.2. Các học phần tự chọn: (chọn 6/10)									
1	TCTT809	Tuyển chọn thể thao	02	1	30				30
2	HLTT810	Phương pháp huấn luyện thể thao	02	1	30			30	
3	TLTT811	Tâm lý học TDTT	02	1	30			30	
4	GDTT812	Giáo dục học TDTT	02	1	30				30
5	QLTT813	Quản lý TDTT trường học	02	1	30				30
6	XHTT814	Xã hội học TDTT	02	1	30		30		
7	KHTT815	Kinh tế học TDTT	02	1	30				30
8	TTGT816	Thể thao giải trí	02	1	30			30	
9	HPTT817	Hồi phục thể thao	02	1	30				30
10	TTTT818	Truyền thông thể thao	02	1	30		30		
3. Khối kiến thức chuyên ngành (chọn 1/4)									
1	CNHL819	Chuyên ngành Huấn luyện TT	12	3	180		60	60	60
2	CNYH820	Chuyên ngành Y học TT	12	3	180		60	60	60
3	CNQL821	Chuyên ngành Quản lý TDTT	12	3	180		60	60	60
4	CNTH822	Chuyên ngành TT trường học	12	3	180		60	60	60
	Luận văn tốt nghiệp		15		225	45	60	60	60
	Tổng		68						

PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN

4.1. Mô tả tóm tắt các học phần trong chương trình đào tạo

4.1.1. Triết học

Môn học trang bị cho học viên những kiến thức về thế giới quan và nhân sinh quan triết học, trải dài theo khắp lịch sử triết học từ thời kỳ cổ đại, trung đại, cận đại cả phương Đông, phương Tây, cho tới triết học Mác - Lênin và những quan điểm hiện đại ngày nay về sự gắn bó giữa triết học với đời sống và với các khoa học xã hội khác. Trong đó trọng tâm là các vấn đề về bản thể luận và nhận thức luận; về tồn tại xã hội và ý thức xã hội; về phép biện chứng; học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; về học thuyết chính trị. Giúp học viên có cách nhìn khách quan, khoa học về thế giới, về xã hội và về con người trên cơ sở hiểu biết về các quy luật khách quan của tự nhiên, xã hội và tư duy. Từ đó, biết vận dụng vào trong thực tiễn công tác nghiên cứu của mình.

4.1.2. Tiếng Anh

Cung cấp kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh dành cho học viên. Nội dung gồm các chủ đề về khoa học, học thuật, về cuộc sống thường nhật. Giúp cho học viên phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các bài tập tình huống (tasks) trên nền các chủ đề đó. Ngoài ra cũng bổ sung các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm và từ vựng cần thiết giúp cho người học thực hành và phát triển khả năng ngôn ngữ. Trang bị cho học viên năng lực tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) đạt trình độ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

4.1.3. Sinh lý học Thể dục Thể thao

Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức nâng cao và mở rộng trong lĩnh vực sinh lý học thể dục thể thao về đặc điểm biến đổi sinh lý lứa tuổi, hệ vận chuyển oxy, hệ cung cấp năng lượng trong hoạt động thể lực, trên cơ sở đó nâng cao năng lực ứng dụng vào thực tiễn huấn luyện thể thao và giáo dục thể chất.

4.1.4. Y học Thể dục Thể thao

Trang bị cho học viên những kiến thức về kiểm tra y học trong giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, Y sinh học trong tuyển chọn thể thao, hồi phục và xoa bóp thể thao để vận dụng vào thực tiễn của công tác giảng dạy và huấn luyện. Biết vận dụng các kiến thức y học vào công tác nghiên cứu khoa học và tuyển chọn vận động viên.

4.1.5. Lý luận và phương pháp GDTC

Trang bị cho học viên những kiến thức lý luận và phương pháp GDTC về phương tiện, phương pháp và các nguyên tắc về phương pháp giáo dục thể chất; dạy học động tác và giáo dục các tố chất thể lực; lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao về các nhân tố và khuynh hướng phát triển thể thao thành tích cao, nội dung, phương tiện, cấu trúc quá trình huấn luyện; Biết vận dụng các lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất vào công tác giảng dạy, huấn luyện, nghiên cứu khoa học trong GDTC và TDTT.

4.1.6. Phương pháp nghiên cứu khoa học TDTT

Trang bị đầy đủ những kiến thức lý luận về phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thể dục thể thao và một số lĩnh vực liên quan, giúp học viên biết vận dụng thành thạo trong thực tiễn công tác nghiên cứu. Trên cơ sở nắm vững bản chất logic của nghiên cứu khoa học, học viên biết phát hiện vấn đề khoa học, biết ứng dụng các phương pháp nghiên cứu để thu nhận và xử lý thông tin, biết tổ chức và triển khai nghiên cứu một đề tài khoa học, biết thực hiện luận văn tốt nghiệp trình độ thạc sĩ.

4.1.7. Đo lường thể thao

Môn học trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản, hiện đại về đo lường thể thao, các phương pháp đo lường trong thể thao, vận dụng kiến thức đo lường trong giảng dạy, huấn luyện và nghiên cứu khoa học thể dục thể thao. Có thể đánh giá các hoạt động TDTT, dự báo chuẩn xác xu thế phát triển thành tích thể thao.

4.1.8. Thể thao trường học

Môn học trang bị một cách có hệ thống những vấn đề thiết yếu của thể thao trường học như: vai trò, mục tiêu và nhiệm vụ thể thao trường học; Quá trình và nội dung dạy học TDTT trường học; Nguyên tắc, phương pháp dạy học TDTT trường học; Tổ chức giờ học TDTT; các yêu cầu trong kiểm tra, đánh giá thể thao trường học. Giúp cho học viên sử dụng được các phương pháp dạy học mang tính chất đặc thù của bộ môn GDTC. Vận dụng phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả môn học GDTC trong nhà trường.

4.1.9. Tuyển chọn thể thao

Môn học trang bị cho người học những quan điểm, yêu cầu, qui trình tuyển chọn tài năng thể thao, các cơ sở lý luận, các cơ sở y sinh học, hệ thống các chỉ tiêu trong tuyển chọn tài năng thể thao; hệ thống test tuyển chọn VĐV các môn thể thao khác nhau, giúp cho người học có thể vận dụng các kiến thức vào trong công tác phát hiện và bồi dưỡng tài năng thể thao.

4.1.10. Phương pháp huấn luyện thể thao

Trang bị cho học viên những tri thức khoa học huấn luyện hiện đại về các quy luật huấn luyện, phương tiện, phương pháp huấn luyện thể lực, kỹ thuật, chiến thuật, đạo đức, tâm lý, ý trí và tri thức cho VĐV, trên cơ sở đó xác định được lượng vận động, lập kế hoạch huấn luyện và thi đấu thể thao. Qua đó, đánh giá được trình độ tập luyện của vận động viên nhằm nâng cao thành tích thể thao.

4.1.11. Tâm lý học TDTT

Trang bị cho học viên những tri thức cơ bản và nâng cao có chọn lọc về khoa học tâm lý trong lĩnh vực thể dục thể thao làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy, huấn luyện và thi đấu Thể dục thể thao. Trên cơ sở đó hình thành kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề tâm lý nảy sinh trong hoạt động giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao một cách khoa học và sáng tạo, đồng thời giúp học viên tránh được những sai sót trong nghề nghiệp giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao góp phần hình thành những phẩm chất và năng lực cần thiết của người cán bộ, giáo viên, huấn luyện viên thể thao. Giúp học viên tiếp cận với khoa học tâm lý hiện đại.

4.1.12. Giáo dục học TDTT

Môn học trang bị cho học viên những tri thức cơ bản và nâng cao có chọn lọc về khoa học giáo dục trong lĩnh vực TDTT làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy, huấn luyện và thi đấu TDTT. Trên cơ sở đó hình thành kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề giáo dục, huấn luyện nảy sinh trong hoạt động GDTC và huấn luyện thể thao một cách khoa học và sáng tạo, đồng thời giúp học viên tránh được những sai sót trong nghề nghiệp GDTC và huấn luyện thể thao góp phần hình thành những phẩm chất và năng lực cần thiết của người cán bộ, giáo viên, huấn luyện viên thể thao. Giúp học viên tiếp cận với khoa học giáo dục hiện đại.

4.1.13. Quản lý TDTT trường học

Trang bị cho học viên kiến thức nâng cao có tính bản chất về tổ chức quản lý TDTT, quản lý công tác Giáo dục thể chất và thể thao trường học. Biết ứng dụng kiến thức được học vào công tác tổ chức và quản lý các hoạt động Thể dục thể thao ở cơ sở và giảng dạy Thể dục thể thao trong trường phổ thông.

4.1.14. Xã hội học TDTT

Môn học trang bị cho học viên những kiến thức về cơ sở lý luận của Xã hội học TDTT, mối quan hệ của TDTT với các lĩnh vực xã hội khác cũng như các vấn đề xã hội

nội hàm trong lĩnh vực TDTT, xã hội hóa TDTT. Giúp học viên có kỹ năng tổ chức các hoạt động nghiên cứu, điều tra xã hội học trong lĩnh vực TDTT.

4.1.15. Kinh tế TDTT

Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản và nâng cao về kinh tế TDTT để đặt nền móng cho việc ứng dụng vào tổ chức, quản lý các hoạt động đa dạng của TDTT trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Giúp học viên nắm được những kiến thức cơ bản về kinh tế học TDTT, những nội dung cơ bản của kinh tế TDTT, những vấn đề cơ bản của thị trường thể thao chuyên nghiệp, kinh doanh thể thao, cá cược thể thao trong lĩnh vực kinh tế TDTT, vận hành theo cơ chế thị trường định hướng XHCN.

4.1.16. Thể thao giải trí

Môn học trang bị cho học viên những cơ sở lý luận của TDTT giải trí, cơ sở TDTT giải trí, các loại hình và các môn thể thao giải trí. Giúp cho người học có những kỹ năng hoạt động và quản lý lĩnh vực TDTT giải trí, phục vụ nhu cầu tập luyện của đại đa số nhân dân với mục tiêu khác nhau góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động toàn diện của nền TDTT xã hội.

4.1.17. Hồi phục thể thao

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, cơ chế, đặc điểm của mệt mỏi và hồi phục sau vận động. Trên nền tảng kiến thức đó học viên nắm bắt được các nguyên lý cơ bản của các phương pháp, phương tiện ứng dụng thúc đẩy hồi phục trong luyện tập và thi đấu thể thao. Biết vận dụng các kiến thức vào công tác giảng dạy, huấn luyện thể thao.

4.1.18. Truyền thông thể thao

Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về truyền thông trong lĩnh vực TDTT để ứng dụng trong quá trình truyền đạt kiến thức; hoạt động marketing trong lĩnh vực TDTT, Marketing của những dịch vụ văn hoá - sức khoẻ và quảng cáo. Giúp người học viên có kỹ năng truyền thông thể thao, Quản trị marketing thể thao để vận dụng giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn.

4.1.19. Chuyên ngành huấn luyện thể thao

Trang bị và nâng cao cho học viên những tri thức khoa học huấn luyện về việc vận dụng các phương tiện, phương pháp huấn luyện thể lực, kỹ thuật, chiến thuật, tâm lý, ý chí ... trên cơ sở đó xác định được lượng vận động, lập kế hoạch huấn luyện và thi đấu

thể thao. Qua đó, đánh giá được trình độ tập luyện của vận động viên các môn thể thao nhằm nâng cao thành tích thể thao.

4.1.20. Chuyên ngành Y sinh TDTT

Trang bị cho học viên kiến thức chuyên ngành y học hướng tới mục tiêu tăng cường và giữ gìn sức khỏe, nâng cao trình độ tập luyện, chẩn đoán điều trị và phòng ngừa chấn thương bệnh lý xuất hiện trong hoạt động TDTT, dinh dưỡng cho VĐV; hồi phục sức khỏe cho VĐV; xoa bóp thể thao; thể dục chữa bệnh. Học viên biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn của công tác giảng dạy và huấn luyện, có năng lực và tổ chức thực hành các test y sinh cũng như kỹ năng thao tác trên các phương tiện y sinh hiện có để phục vụ công tác thu thập thông tin nghiên cứu.

4.1.21. Chuyên ngành Quản lý TDTT

Trang bị những kiến thức về khoa học quản lý, quản lý Nhà nước về TDTT, quản lý các lĩnh vực TDTT, cán bộ TDTT, công tác kế hoạch trong TDTT, công tác xã hội hóa TDTT. Biết ứng dụng kiến thức được học vào công tác tổ chức và quản lý các hoạt động Thể dục thể thao ở cơ sở và giảng dạy Thể dục thể thao trong trường phổ thông.

4.1.22. Chuyên ngành thể thao trường học

Trang bị cho học viên những vấn đề cơ bản về TDTT trong trường học các cấp; các hoạt động TDTT ngoại khóa trong trường học; công tác huấn luyện TDTT nghiệp dư trường học; thiết kế bài dạy thực hành thể dục, xây dựng chương trình giảng dạy và các hoạt động thể thao trong trường học; Công tác nghiên cứu khoa học, tổ chức quản lý và đánh giá TDTT trường học. Giúp học viên biết ứng dụng kiến thức đã học để phát triển công tác TDTT trong trường học, có phương pháp đào tạo, bồi dưỡng năng khiếu, tài năng ở bậc phổ thông.

4.1.23. Luận văn thạc sĩ

Luận văn của chương trình đào tạo là một đề tài nghiên cứu khoa học giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới... trong lĩnh vực chuyên ngành Giáo dục thể chất và Thể dục thể thao vào thực tế;

Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được

dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào;

Luận văn được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết, không tẩy xóa.

4.2. Phương pháp giảng dạy và học tập

Phương pháp tiếp cận trong dạy học luôn lấy người học làm trung tâm, phương pháp dạy học đa dạng và sáng tạo, đáp ứng chuẩn đầu ra đã được Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội tuyên bố trong các chương trình đào tạo. Chương trình thạc sĩ ngành Giáo dục học được thiết kế theo hướng tiên tiến hiện đại bám sát mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình, phù hợp theo nhu cầu xã hội.

Phương pháp giảng dạy - học tập của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Giáo dục học chuyên ngành GDTC được thực hiện theo các định hướng sau đây:

- Dựa vào triết lý giáo dục của Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội và để đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nói chung và từng học phần nói riêng; Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học viên; bồi dưỡng năng lực tự chủ và tự học để học viên có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn tri thức, tiếp tục phát triển các phẩm chất, năng lực sau khi tốt nghiệp.

- Các hình thức tổ chức dạy học được thực hiện một cách đa dạng và linh hoạt bằng cách phối hợp học tập ở trên lớp với tự học, tự nghiên cứu, học nhóm...; coi trọng năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo và năng lực độc lập nghiên cứu khoa học, xử lý các vấn đề thực tiễn của học viên. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Coi trọng các nguồn học liệu là giáo trình chính và tài liệu tham khảo thêm đã được giảng viên trang bị; cần khai thác triệt để những lợi thế của công nghệ thông tin trong dạy học trên các phương tiện kho tri thức - đa phương tiện, tăng cường sử dụng các tư liệu điện tử.

Các phương pháp dạy học được lựa chọn và thiết kế phù hợp với nội dung của mỗi học phần. Tùy theo yêu cầu cần đạt, giảng viên có thể sử dụng phối hợp nhiều phương pháp dạy học khác nhau: dạy học trực tiếp; học gián tiếp; dạy học tương tác; dạy học trải nghiệm; học tập độc lập... Một số phương pháp dạy học chủ yếu:

Phương pháp thuyết trình: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học có trách nhiệm nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.

Phương pháp này được sử dụng đối với phần kiến thức lý thuyết. Mục đích là giúp người học có hiểu sâu sắc về những nội dung lý thuyết của học phần.

Phương pháp đàm thoại: Phương pháp đàm thoại là phương pháp giảng viên khéo léo đặt hệ thống câu hỏi để người học trả lời nhằm gợi mở cho người học sáng tỏ những vấn đề mới; tự khai phá những tri thức mới bằng sự tái hiện những tài liệu đã học hoặc từ những kinh nghiệm đã tích lũy được, nhằm giúp người học củng cố, mở rộng, đào sâu, tổng kết, hệ thống hóa tri thức đã tiếp thu được.

Phương pháp thảo luận, seminar: Được sử dụng đối với phần kiến thức seminar, thảo luận. Mục đích là rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ để thuyết trình, trao đổi các nội dung cần thảo luận của môn học. Rèn luyện kỹ năng báo cáo, tự nghiên cứu, tương tác và làm việc theo nhóm. Hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Phương pháp bài tập: người học sẽ làm bài tập theo nội dung lý thuyết đã học và giảng viên sẽ hướng dẫn, xác nhận kết quả. Phương pháp này được sử dụng đối với phần kiến thức bài tập nhằm giúp người học vận dụng kiến thức môn học vào việc giải quyết các nội dung liên quan đến môn học; Rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ để thuyết trình; tương tác với tập thể; viết và trình bày. Từ đó hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

Thực tập, thực tế: Hoạt động tham quan, thực tế chuyên môn tại các cơ sở thể thao, doanh nghiệp kinh doanh thể thao, tham gia trải nghiệm các giải thể thao của các đơn vị quản lý TDTT,... giúp người học có cơ hội tìm hiểu môi trường làm việc, cách thức làm việc, góp phần hình thành kỹ năng nghề nghiệp, văn hóa làm việc, tạo sự tự tin nắm bắt cơ hội việc làm sau tốt nghiệp.

Phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề: Phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề là cách thức, con đường mà giảng viên áp dụng trong việc dạy học để làm phát triển khả năng tìm tòi, khám phá độc lập của người học bằng cách đưa ra các tình huống có vấn đề và điều khiển hoạt động của người học nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra. Phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề được sử dụng trong phần kiến thức lý thuyết và cả trong phần kiến thức thực hành, thực tập. Mục đích là giúp người học có hiểu biết sâu rộng về nội dung lý thuyết, thực hành, thực tập của học phần.

Phương pháp dạy học bằng tình huống: Phương pháp dạy học bằng tình huống là giảng viên đưa ra các tình huống (có thật hoặc hư cấu) chứa đựng nội dung bài giảng để

người học có bối cảnh trải nghiệm, có điều kiện đưa ra các ý kiến cá nhân, qua đó phát huy tính tích cực của người học trong việc tự phân tích tìm đường đi đến chân lý. Phương pháp tình huống thuyết phục sinh viên bằng chính kinh nghiệm và những suy luận cá nhân rút ra sau khi tham gia vào tình huống. Do đó, những tri thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm mà người học thu nhận được trở thành của chính họ, do họ tự nhận thức, không bị áp đặt bởi giảng viên. Phương pháp giảng dạy bằng tình huống, người học sẽ có khả năng làm việc tập thể, làm việc nhóm, tự nghiên cứu, suy luận, tích cực chủ động hơn trong học tập nhằm trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết cho quá trình làm việc sau khi tốt nghiệp ra trường.

4.3. Phương pháp kiểm tra đánh giá

4.3.1. Các phương pháp đánh giá: xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phần để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp. Việc đánh giá phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Phương pháp kiểm tra, đánh giá bao gồm: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, tiểu luận, thực hành, bài tập, làm việc nhóm, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy đặc điểm của từng học phần nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng.

4.3.2. Hình thức, trọng số đánh giá:

- 1) Đánh giá giữa kỳ (đánh giá thường xuyên): có trọng số 20%.
- 2) Đánh giá thi kết thúc học phần: có trọng số 80%.

4.3.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá

Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội sử dụng thang điểm 10 để đánh giá kết quả học tập của người học như sau: Điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng điểm của kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn đến một chữ số thập phân. Học phần đạt yêu cầu (học phần tích lũy) khi có điểm học phần từ 4,0 trở lên. Nếu học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn).

PHẦN 5 - QUY ĐỊNH VỀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Trích một số Điều theo Quyết định số 184 /QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Hà Nội)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội được xây dựng nhằm cụ thể hóa Quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ (ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014) của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về tuyển sinh, chương trình tổ chức đào tạo, về luận văn thạc sĩ, cấp bằng và các hoạt động khác liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐHSPTDTT Hà Nội.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân của Trường Đại học sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội tham gia vào quá trình đào tạo trình độ thạc sĩ.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo trình độ thạc sĩ giúp học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực khoa học chuyên ngành hoặc kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

Điều 3. Hình thức, ngôn ngữ và thời gian đào tạo

1. Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy.
2. Ngôn ngữ chính thức dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ là tiếng Việt.
3. Thời gian đào tạo:
 - a) Thời gian đào tạo theo kế hoạch: 2 năm, được tổ chức thành 04 kỳ học tập trung.
 - b) Nếu hết thời gian đào tạo theo kế hoạch đối với từng khóa mà học viên chưa hoàn thành chương trình đào tạo, học viên phải làm đơn xin gia hạn thời gian học tập (trong thời gian gia hạn học viên phải đóng kinh phí phát sinh do việc gia hạn thời gian học tập theo quy định của Nhà trường.)
 - c) Thời gian đào tạo tối đa tính từ ngày nhập học là 3,5 năm.

CHƯƠNG II: TUYỂN SINH

CHƯƠNG III: CHƯƠNG TRÌNH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 17. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo do Hiệu trưởng tổ chức xây dựng theo quy định hiện hành về điều kiện mở chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo. Việc sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo, thực hiện theo quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo hiện hành.

2. Khối lượng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục học tối thiểu là 60 tín chỉ. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết giảng lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành, thí nghiệm, bài tập, tiểu luận, thảo luận.

3. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ gồm các khối kiến thức:

- Kiến thức chung
- Kiến thức ngành
- Kiến thức chuyên ngành
- Luận văn thạc sĩ

Điều 18. Quản lý, tổ chức đào tạo

1. Quản lý học viên: Khoa Đào tạo SDH chịu trách nhiệm quản lý chung về tuyển sinh, danh sách học viên các khóa, kế hoạch học tập, tổ chức lớp học, thời khóa biểu, tổ chức thi kiểm tra giữa kỳ và kết thúc học phần, điểm học phần, việc bảo lưu kéo dài thời gian học của các học viên, tổ chức bảo vệ luận văn tốt nghiệp, xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho học viên cũng như những vấn đề khác liên quan đến học viên trong quá trình học tập tại Trường.

2. Tổ chức nhập học

a) Khoa Đào tạo SDH có trách nhiệm tổ chức nhập học cho thí sinh được công nhận trúng tuyển khóa mới. Nhà trường sẽ ra quyết định công nhận là học viên cho các thí sinh trúng tuyển đã đăng ký nhập học. Thí sinh trúng tuyển không đăng ký nhập học sau 2 tuần kể từ ngày tổ chức nhập học sẽ không được công nhận là học viên của Trường.

b) Học viên khi nhập học được Khoa Đào tạo SDH cấp mã số học viên, thẻ học viên, được phổ biến về quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, chương trình đào tạo toàn khóa, đề cương chi tiết các học phần trong chương trình, kế hoạch học tập, quy định của nhà trường đối với học viên.

c) Học viên trúng tuyển xin bảo lưu kết quả thi tuyển sinh tự viết đơn và có xác nhận của cơ quan công tác hoặc địa phương,... xác nhận lý do đưa ra.

d) Vào mỗi học kỳ, khoa Đào tạo sau đại học sẽ có thông báo triệu tập nhập học của mỗi khoá và đăng lên Website Trường.

3. Tổ chức đào tạo

a) Căn cứ vào kế hoạch đào tạo cụ thể của từng khóa học, Khoa Đào tạo sau đại học sẽ lập kế hoạch giảng dạy và học tập cho toàn bộ khóa học. Vào thời điểm trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, Khoa Đào tạo Sau đại học sẽ làm thông báo nhập học kèm theo thời khóa biểu và học phí của học kỳ đó và đăng lên Website Trường.

b) Tổ chức giảng dạy các nội dung trong chương trình đào tạo phải được thực hiện bằng cách phối hợp học tập trên lớp với tự học, tự nghiên cứu; coi trọng năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo và năng lực độc lập nghiên cứu khoa học, xử lý các vấn đề thực tiễn của học viên.

c) Không bắt buộc học viên phải học học phần ngoại ngữ tại cơ sở đào tạo, nhưng phải tổ chức giảng dạy nếu học viên có yêu cầu và đánh giá học phần theo quy định tại Khoản 5, Điều 19 của Quy định này.

d) Thủ trưởng cơ sở đào tạo có trách nhiệm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị thực hành ... để đảm bảo điều kiện nghiên cứu, thử nghiệm, thực hành cho người học phù hợp với yêu cầu của chuyên ngành đào tạo.

đ) Căn cứ vào quy định của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành, thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định cụ thể việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung và thông qua đề cương chi tiết học phần.

Điều 19. Thi, kiểm tra, đánh giá học phần

1. Việc đánh giá học phần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Khách quan, chính xác, công bằng, phân loại được trình độ của người học; công khai, minh bạch các quy định về đánh giá và kết quả đánh giá học phần;

b) Đề thi, kiểm tra phải phù hợp với nội dung và đảm bảo mục tiêu học phần đã xác định trong đề cương chi tiết;

c) Đúng hình thức và phương pháp đánh giá đã được quy định trong đề cương chi tiết của học phần;

d) Kết hợp kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập với thi kết thúc học phần;

đ) Kết hợp một số hình thức đánh giá (bài tập, tiểu luận, kết quả thực hành, báo cáo chuyên đề, thi viết, thi vấn đáp...) phù hợp với yêu cầu của học phần;

e) Kết hợp đánh giá ý thức học tập chuyên cần và tính độc lập, sáng tạo của người học.

2. Điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng của điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn đến một chữ số thập phân. Học phần đạt yêu cầu (học phần tích lũy) khi có điểm học phần từ 4,0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn).

3. Nếu điểm trung bình chung các học phần chưa đạt 5,5 trở lên theo quy định thì học viên phải đăng ký học lại một hoặc một số học phần có điểm dưới 5,5 hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn). Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong 2 lần học.

4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần.

a) Học viên được thi kết thúc học phần khi đã thực hiện đầy đủ về học phí và học tập đối với học phần, tham dự ít nhất 70% số tiết lên lớp lý thuyết đã quy định (có đủ các điều kiện giờ giảng lý thuyết, thực hành, bài tập kiểm tra thường kỳ, tiểu luận được quy định trong đề cương chi tiết của học phần).

c) Học viên không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần nào hoặc điểm trung bình học phần dưới 4,0 thì phải đăng ký học lại học phần đó, không được thi lần 2.

5. Đối với học phần ngoại ngữ: Căn cứ vào Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, Thủ trưởng cơ sở đào tạo tổ chức đánh giá học phần ngoại ngữ của học viên (bao gồm cả học viên không đăng ký học ngoại ngữ tại cơ sở đào tạo).

6. Học viên được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ, đủ điều kiện về ngoại ngữ theo Điểm b, Khoản 2, Điều 21 của Quy định này trong các trường hợp sau:

a) Thuộc quy định tại các điểm a, b, c Khoản 3, Điều 5 Quy định này;

b) Thuộc quy định tại Điểm d, Khoản 3, Điều 5 Quy định này và chứng chỉ còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp luận văn theo quy định của cơ sở đào tạo;

7. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ, hoặc được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ được ghi vào bảng điểm học tập toàn khóa, nhưng không tính vào điểm trung bình chung của các học phần (điểm trung bình chung tích lũy). Những trường hợp học viên đủ điều kiện về ngoại ngữ, được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ thì được coi như đã học đủ 6 tín chỉ của học phần ngoại ngữ trong chương trình đào tạo thạc sĩ.

8. Thủ trưởng cơ sở đào tạo căn cứ vào các quy định của Quy chế này và Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành để quy định cụ thể

các nội dung: tổ chức đánh giá học phần, số lần kiểm tra, điều kiện thi kết thúc học phần, trọng số điểm kiểm tra và điểm thi; sử dụng thang điểm 10 khi tính điểm học phần; học lại (bao gồm cả việc học lại đối với học phần đã đạt điểm 5,5 trở lên nếu học viên có nhu cầu và cơ sở đào tạo chấp nhận); cách tính điểm trung bình chung của các học phần (điểm trung bình chung tích lũy).

Điều 20. Luận văn

1. Quy định chung về luận văn tốt nghiệp

a) Luận văn thạc sĩ là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo và có thời lượng 12 tín chỉ.

b) Thời gian thực hiện luận văn tốt nghiệp: 2 năm.

2. Giao đề tài luận văn thạc sĩ.

a) Đề cương luận văn thạc sĩ: là nội dung bắt buộc đối với học viên.

Đầu học kỳ 1 Khoa Đào tạo SDH sẽ lập danh sách giảng viên hướng dẫn khoa học cho khóa học, học viên chủ động liên hệ mời giảng viên hướng dẫn (theo danh sách); đăng ký tên đề tài và người hướng dẫn khoa học với Khoa Đào tạo SDH. Khoa Đào tạo SDH sẽ điều chỉnh người hướng dẫn trong trường hợp số lượng học viên đăng ký quá mức quy định dành người hướng dẫn theo Điểm b, Khoản 1, Điều 21 của Quy định này.

Học viên xây dựng đề cương luận văn thạc sĩ (theo mẫu), xin ý kiến của người hướng dẫn khoa học góp ý và ký tên.

Nộp 05 bản đề cương cho Khoa đào tạo sau đại học chậm nhất trước ngày bảo vệ 10 ngày (theo lịch của Hội đồng).

b) Tổ chức đánh giá đề cương

Khoa đào tạo sau đại học sẽ đề xuất Ban giám hiệu quyết định thành lập Hội đồng thông qua đề cương cho học viên. Hội đồng có từ 3-5 thành viên có bằng tiến sĩ trở lên, có chuyên môn phù hợp với đúng chuyên ngành đào tạo; Thời gian tổ chức đánh giá đề cương là khi kết thúc học kỳ 1. Đề cương được tổ chức đánh giá như sau:

Học viên trình bày và bảo vệ đề cương trước Hội đồng; Các thành viên Hội đồng sẽ đánh giá và góp ý về tính khả thi của đề tài nghiên cứu, sự hợp lý của các mục tiêu, phương pháp và tổ chức nghiên cứu; Kết luận của chủ tịch hội đồng là ý kiến bắt buộc đối với học viên thực hiện luận văn tốt nghiệp;

Hội đồng sẽ đánh giá thông qua hoặc thông qua nhưng phải chỉnh sửa hoặc không thông qua đề cương; Trường hợp Hội đồng đánh giá thông qua nhưng phải chỉnh sửa, học

viên phải sửa chữa đề cương theo yêu cầu của Hội đồng, Khoa đào tạo sau đại học kiểm tra và xác nhận nội dung đã chỉnh sửa của học viên; Trong trường hợp đề cương không được thông qua, học viên phải làm lại để trình Người hướng dẫn và sẽ được tổ chức bảo vệ lần tiếp theo. Thời gian bảo vệ lại sau lần bảo vệ đầu tiên từ 20 đến 30 ngày. Nếu lần bảo vệ lại không được thông qua học viên phải làm lại để trình Người hướng dẫn và sẽ được tổ chức bảo vệ với khóa tiếp theo.

Sau khi đề cương nghiên cứu được thông qua, học viên không được tự ý thay đổi luận văn, thay đổi mục đích nghiên cứu, khách thể nghiên cứu và phương hướng chính của luận văn. Trường hợp cần thay đổi luận văn thì đề cương nghiên cứu phải được bảo vệ lại từ đầu (sau 3 tuần), nếu chỉ thay đổi một vài chỗ trong đề cương mà không ảnh hưởng đến bản chất của đề tài thì đề cương không phải bảo vệ lại.

c) Giao đề tài luận văn thạc sĩ

Sau khi thông qua đề cương 7 ngày, học viên nộp lại cho Khoa đào tạo sau đại học 2 quyền đề cương hoàn chỉnh có chữ ký của người hướng dẫn và học viên.

Căn cứ vào kết quả đánh giá đề cương, Khoa Đào tạo SDH có trách nhiệm thực hiện các thủ tục trình Hiệu trưởng ra Quyết định giao đề tài luận văn và người hướng dẫn cho học viên. Khoa Đào tạo SDH chịu trách nhiệm thông báo đến học viên, người hướng dẫn luận văn, và theo dõi quá trình thực hiện luận văn thạc sĩ của học viên.

3. Yêu cầu đối với luận văn thạc sĩ

a) Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào.

b) Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn. Nội dung luận văn phải thể hiện được các kiến thức về lý thuyết và thực hành trong lĩnh vực chuyên môn, phương pháp giải quyết vấn đề đã đặt ra. Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập để xử lý đề tài.

c) Luận văn tốt nghiệp được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết, không tẩy xóa và theo mẫu chung của Nhà trường (theo mẫu) có khối lượng không quá 100 trang, không ít hơn 60 trang (khổ A4) (Không kể biểu bảng, phụ lục); Tóm tắt luận văn không quá 24 trang khổ 15 x 21cm (khổ A5) (không kể biểu bảng).

d) Luận văn phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

đ) Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ và rõ ràng. Nếu sử dụng tài liệu của người khác (trích dẫn bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận văn không được duyệt để bảo vệ luận văn.

Điều 21. Hướng dẫn luận văn và điều kiện bảo vệ luận văn

1. Hướng dẫn luận văn

a) Mỗi luận văn có một hoặc hai người hướng dẫn. Trường hợp có hai người hướng dẫn, trong quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn cần ghi rõ người hướng dẫn thứ nhất và người hướng dẫn thứ hai.

b) Người có chức danh giáo sư được hướng dẫn tối đa 7 học viên, người có học vị tiến sĩ khoa học hoặc có chức danh phó giáo sư được hướng dẫn tối đa 5 học viên, người có học vị tiến sĩ từ 01 năm trở lên được hướng dẫn tối đa 3 học viên trong cùng thời gian, kể cả học viên của cơ sở đào tạo khác.

2. Điều kiện bảo vệ luận văn

a) Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10).

b) Đạt trình độ ngoại ngữ từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương và chứng chỉ còn trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ tính đến ngày nộp luận văn theo quy định của cơ sở đào tạo, được cấp bởi một cơ sở được Bộ GD&ĐT cho phép hoặc công nhận.

c) Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có bản nhận xét của người hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu theo quy định tại Khoản 3, Điều 20.

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập.

đ) Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn

e) Nộp luận văn đúng yêu cầu và thời hạn quy định của Nhà trường.

Điều 22. Hội đồng đánh giá luận văn

1. Hội đồng đánh giá luận văn do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập, trên cơ sở đề nghị của trưởng Khoa Đào tạo SDH.

2. Hội đồng đánh giá luận văn có năm thành viên gồm: Chủ tịch, Thư ký, hai Phản biện và Ủy viên. Hội đồng có tối thiểu hai thành viên ở ngoài trường, thuộc hai đơn vị khác nhau; trong đó, ít nhất có một người là phản biện.

3. Yêu cầu đối với thành viên Hội đồng đánh giá luận văn

a) Các thành viên Hội đồng là những người có học vị tiến sĩ từ 2 năm trở lên hoặc có chức danh phó giáo sư, giáo sư cùng chuyên ngành đào tạo với học viên, am hiểu lĩnh vực của đề tài luận văn.

b) Chủ tịch Hội đồng là người có năng lực chuyên môn và uy tín khoa học, có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành công việc của Hội đồng.

c) Người phản biện phải là người am hiểu sâu sắc lĩnh vực của đề tài luận văn.

d) Người hướng dẫn luận văn; người có quan hệ bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với người bảo vệ luận văn không tham gia Hội đồng.

đ) Thành viên Hội đồng phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan trong việc nhận xét, đánh giá luận văn theo quy định tại Khoản 1, Điều 23 của quy định này.

4. Hội đồng họp để đánh giá luận văn trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định thành lập Hội đồng. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận văn trong các trường hợp sau: Vắng mặt chủ tịch hoặc thư ký Hội đồng, vắng mặt người có ý kiến không tán thành luận văn, vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên.

Trong trường hợp có lý do khách quan, Hiệu trưởng quyết định việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng nhưng vẫn phải đảm bảo các yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều này và thời hạn tổ chức họp hội đồng đánh giá luận văn được tính từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng.

Điều 23. Đánh giá luận văn

1. Luận văn được đánh giá công khai tại phiên họp của Hội đồng. Hội đồng tập trung chủ yếu vào đánh giá việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận văn, mức độ đáp ứng yêu cầu đối với luận văn theo quy định tại khoản 3, điều 20, đảm bảo đánh giá đúng kiến thức của học viên và khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề mà đề tài luận văn đặt ra.

2. Điểm chấm luận văn của từng thành viên hội đồng theo thang điểm 10, có thể lẻ đến một chữ số thập phân, gồm: điểm nội dung luận văn tối đa 9,0 điểm và điểm thành tích nghiên cứu tối đa 1,0 điểm cho những luận văn mà học viên đã có bài báo khoa học liên quan công bố trên danh mục tạp chí khoa học do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định.

Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá luận văn, làm tròn đến một chữ số thập phân. Luận văn đạt yêu cầu khi điểm trung bình của hội đồng chấm từ 5,5 điểm trở lên.

3. Trong trường hợp luận văn bảo vệ không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung luận văn để bảo vệ lần thứ hai trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày bảo vệ luận văn lần thứ nhất; không tổ chức bảo vệ luận văn lần thứ ba. Nếu học viên có nguyện vọng thì Hiệu trưởng có thể xem xét giao đề tài mới. Trong trường hợp này, không tổ chức bảo vệ lại nếu luận văn không đạt yêu cầu. Thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo phải theo đúng quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 3 Quy định này. Kinh phí cho việc tổ chức đánh giá lại, thực hiện và bảo vệ đề tài mới do học viên tự chi trả.

4. Sau ngày bảo vệ luận văn tối đa 20 ngày, học viên có trách nhiệm học viên phải chỉnh sửa luận văn theo ý kiến góp ý của hội đồng chấm luận văn, có báo cáo giải trình những điểm cần bổ sung, chỉnh sửa. Luận văn đã chỉnh sửa và báo cáo giải trình phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng đánh giá luận văn. Trường hợp chủ tịch hội đồng đi vắng, không thể thực hiện xác nhận việc chỉnh sửa đúng thời hạn quy định, thủ trưởng cơ sở đào tạo giao nhiệm vụ cho một người có thẩm quyền và am hiểu về lĩnh vực chuyên môn kiểm tra và xác nhận thay. Luận văn sau khi chỉnh sửa và báo cáo giải trình có đầy đủ ý kiến xác nhận, nộp cho Khoa đào tạo sau đại học kiểm tra, xác nhận trước khi nộp lưu chiểu tại thư viện Trường.

5. Hiệu trưởng quy định chi tiết về thủ tục, nội dung, trình tự tổ chức đánh giá một luận văn; hồ sơ, các biên bản về bảo vệ luận văn; yêu cầu đối với bản nhận xét luận văn; xây dựng nội dung và ban hành phiếu chấm luận văn theo thang điểm quy định.

Điều 24. Thẩm định luận văn

1. Thành lập hội đồng thẩm định

Khi có đơn tố cáo đúng quy định của Luật Tố cáo, có căn cứ rõ ràng cho thấy luận văn không đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại khoản 3, điều 20 Quy định này hoặc khi thấy cần thiết, Hiệu trưởng thành lập hội đồng thẩm định luận văn. Số lượng, yêu cầu đối với thành viên hội đồng thẩm định luận văn theo quy định tại khoản 2, 3, điều 22 của Quy định này; trong đó, số thành viên trong Trường tham gia hội đồng tối đa không quá hai người; thành viên hội đồng thẩm định không trùng với hội đồng đánh giá luận văn.

2. Thẩm định luận văn

a) Trước khi họp hội đồng thẩm định, các thành viên hội đồng có bản nhận xét về sự cần thiết của việc nghiên cứu đề tài luận văn, sự phù hợp với chuyên ngành; sự không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; đánh giá thành công và hạn chế của luận văn, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận văn thạc sĩ.

b) Việc thẩm định luận văn được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, điều 23 Quy định này.

c) Tác giả luận văn, người hướng dẫn, thành viên hội đồng đánh giá luận văn không tham dự phiên họp của hội đồng thẩm định nhưng được Nhà trường thông báo và có thể gửi ý kiến, cung cấp tài liệu (nếu có) tới hội đồng thẩm định.

3. Xử lý kết quả thẩm định luận văn không đạt yêu cầu

Nếu hội đồng thẩm định kết luận luận văn không đạt yêu cầu thì Hiệu trưởng dừng việc cấp bằng hoặc thu hồi, huỷ bỏ bằng thạc sĩ đã cấp (nếu có) do học viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp. Những trường hợp luận văn không đạt yêu cầu không vì lý do sao chép bất hợp pháp thì quyền và trách nhiệm của học viên giải quyết như sau:

a) Trường hợp chưa bảo vệ lại luận văn, đề tài vẫn cần thiết nghiên cứu thì học viên được chỉnh sửa, bổ sung và bảo vệ lại luận văn trước hội đồng thẩm định theo quy định tại các khoản 1, 2, điều 23 Quy định này. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại điểm c, khoản 3, điều 3 Quy định này thì học viên được gia hạn tối đa không quá 3 tháng.

b) Trường hợp đã bảo vệ lại luận văn hoặc đề tài không cần thiết tiếp tục nghiên cứu, nếu học viên có nguyện vọng thì Hiệu trưởng quyết định giao đề tài mới. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại điểm c, khoản 3, điều 3 Quy định này thì học viên được thực hiện đề tài mới trong thời gian tối đa 6 tháng. Hiệu trưởng tổ chức đánh giá luận văn theo các quy định tại khoản 2, điều 21; điều 22 và khoản 1, 2, điều 23 Quy định này.

c) Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, thực hiện và bảo vệ đề tài mới do học viên tự chi trả.

Điều 25. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Nghỉ học tạm thời

a) Học viên viết đơn xin phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp:

- Được điều động vào lực lượng vũ trang hoặc làm nghĩa vụ quốc tế.
- Bị ốm, bị tai nạn phải điều trị thời gian dài hoặc nghỉ thai sản theo quy định, có giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

- Đối với các trường hợp khác, Nhà trường chỉ giải quyết cho nghỉ học tạm thời đối với học viên đã học tối thiểu một học kỳ tại Nhà trường, đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10 và không bị kỷ luật.

b) Thời gian nghỉ học tạm thời cho người được điều động vào lực lượng vũ trang, đi làm nghĩa vụ quốc tế là thời gian được ghi trong quyết định của cấp có thẩm quyền, không tính vào thời gian học theo quy định tại khoản 3, điều 3 của quy định này.

Thời gian nghỉ học tạm thời cho các trường hợp khác là thời gian cần thiết theo nhu cầu, nguyện vọng của học viên nhưng không được quá một năm và thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo phải theo đúng quy định tại khoản 3, điều 3 của quy định này.

c) Trong thời gian tạm dừng học, tất cả các kết quả đăng ký môn học của học viên trong học kỳ liên quan sẽ bị hủy.

d) Học viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng (thông qua Khoa Đào tạo SDH) ít nhất một tuần trước khi bắt đầu kỳ học mới.

2. Chuyển cơ sở đào tạo: Trong trường hợp bất khả kháng, học viên muốn chuyển cơ sở đào tạo có đơn gửi Nhà trường để được Hiệu trưởng xem xét và quyết định chuyển cơ sở đào tạo cho học viên theo quy định hiện hành của Quy chế đào tạo thạc sĩ.

Điều 26. Tốt nghiệp, cấp bằng điểm, cấp bằng thạc sĩ, giấy chứng nhận

1. Điều kiện tốt nghiệp

- a) Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn quy định tại khoản 2, điều 28.
- b) Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên.
- c) Đã nộp lưu chiểu luận văn theo yêu cầu của Hội đồng.
- d) Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của nhà trường
- đ) Hoàn tất việc đóng học phí theo qui định của Trường.
- e) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Hội đồng xét tốt nghiệp: Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp, trên cơ sở đề nghị của trưởng đơn vị quản lý đào tạo sau đại học. Hội đồng căn

cứ vào điều kiện tốt nghiệp để xét, lập danh sách những học viên đủ điều kiện, đề nghị Hiệu trưởng công nhận tốt nghiệp.

4. Hiệu trưởng ra Quyết định công nhận tốt nghiệp, cấp bằng thạc sĩ và bảng điểm cho học viên theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp.

5. Bảng điểm cấp cho học viên phải ghi rõ: chuyên ngành đào tạo, tên các học phần trong chương trình đào tạo, thời lượng của mỗi học phần, điểm học phần, điểm trung bình chung các học phần, tên đề tài luận văn, điểm luận văn và danh sách thành viên Hội đồng đánh giá luận văn.

6. Bằng tốt nghiệp phải tuân thủ quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Nếu học viên không đủ điều kiện tốt nghiệp, không bị kỷ luật buộc thôi học, đã hết thời gian đào tạo theo quy định tại khoản 3, điều 3, có yêu cầu thì được Hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo thạc sĩ.

CHƯƠNG IV: NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA NHÀ TRƯỜNG, GIẢNG VIÊN, HỌC VIÊN

Điều 28. Nhiệm vụ và quyền hạn của Nhà trường

1. Ban hành quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ.
2. Xác định chỉ tiêu, xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển sinh hàng năm.
3. Xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn giáo trình, xây dựng kế hoạch giảng dạy đối với các chuyên ngành đã tuyển sinh; căn cứ vào nhu cầu nguồn nhân lực, trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực để lập hồ sơ đăng ký đào tạo chuyên ngành mới khi có đủ điều kiện.
4. Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo quy định.
5. Quản lý việc học tập và nghiên cứu khoa học của học viên; khen thưởng, kỷ luật đối với học viên theo quy định.
6. Quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển, quyết định công nhận học viên, quyết định công nhận học viên tốt nghiệp, cấp bằng điểm; cấp bằng và quản lý việc cấp bằng thạc sĩ theo quy định hiện hành.
7. Quản lý kinh phí, khai thác, tạo nguồn bổ sung; đầu tư, sử dụng và quản lý các nguồn lực khác trong đào tạo trình độ thạc sĩ theo đúng quy định.
8. Công bố công khai trên website của nhà trường văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy; danh sách học viên trúng tuyển, tốt nghiệp và được cấp bằng thạc sĩ theo từng khoá học;

9. Căn cứ vào các quy định của pháp luật, quy định của Quy chế và của Nhà trường xử lý đối với hành vi vi phạm Quy chế của công chức, viên chức, giảng viên, người lao động, người học.

10. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ theo quy định của Quy chế.

11. Bồi hoàn học phí cho người học nếu Nhà trường vi phạm Quy chế, vi phạm các quy định khác của pháp luật dẫn đến người học (không vi phạm) không được cấp bằng.

12. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ

1. Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng, được phân công nhiệm vụ giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc hướng dẫn học viên thực hiện đề tài luận văn thạc sĩ.

2. Giảng viên cơ hữu được quy định tại Điều lệ trường đại học.

3. Ngoài các tiêu chuẩn giảng viên đại học quy định tại Điều lệ trường đại học, giảng viên tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ phải có học vị tiến sĩ hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư; giảng viên giảng dạy học phần ngoại ngữ, học phần triết học phải có học vị thạc sĩ trở lên.

4. Giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên (các chuyên gia, nhà khoa học... ở trong nước và nước ngoài) tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ phải đảm bảo tiêu chuẩn theo các quy định hiện hành.

Điều 30. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ

1. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của Nhà trường và của nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

3. Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Được hưởng các chính sách đối với giảng viên trong đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định của nhà nước và của Nhà trường.

5. Không được tự tổ chức hoặc thực hiện việc phụ đạo, hướng dẫn ôn tập với mục đích để người học dự thi tuyển sinh vào đào tạo trình độ thạc sĩ.

6. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

7. Ngoài các nhiệm vụ và quyền trên, người hướng dẫn luận văn cho học viên có thêm nhiệm vụ và quyền sau:

- a) Hướng dẫn học viên xây dựng và thực hiện kế hoạch nghiên cứu đề tài.
- b) Theo dõi, kiểm tra và đôn đốc học viên nghiên cứu khoa học, thực hành, thực tập theo yêu cầu của đề tài.
- c) Từ chối không hướng dẫn học viên và thông báo bằng văn bản cho Nhà trường trong các trường hợp: đã hướng dẫn đủ số lượng tối đa theo quy định tại điểm b, khoản 1, điều 28; sau một tháng kể từ ngày nhận quyết định cử người hướng dẫn mà học viên không liên hệ hoặc học viên không tuân thủ sự hướng dẫn hoặc không hoàn thành kế hoạch nghiên cứu mà không có lý do chính đáng.
- d) Xác nhận kết quả nghiên cứu và duyệt luận văn của học viên, đề nghị và chịu trách nhiệm về việc đề nghị Nhà trường cho học viên bảo vệ luận văn nếu thấy đáp các ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 3, điều 20.

Điều 31. Nhiệm vụ và quyền của học viên

1. Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của nhà nước và của cơ sở đào tạo.
2. Đóng học phí, bao gồm cả phần học phí tăng thêm do phải học bổ sung, học lại, bảo vệ luận văn lần hai hoặc thực hiện đề tài luận văn mới theo quy định hợp pháp của cơ sở đào tạo.
3. Tôn trọng giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của cơ sở đào tạo.
4. Được tôn trọng, đối xử bình đẳng và được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến việc học tập của mình.
5. Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của cơ sở đào tạo cho việc học tập, nghiên cứu.
6. Được đề nghị cơ sở đào tạo thay người hướng dẫn luận văn nếu sau một tháng, kể từ khi nhận được quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn mà học viên không liên hệ được với người hướng dẫn hoặc không được hướng dẫn thực hiện đề tài luận văn.
7. Được phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của cơ sở đào tạo về chương trình đào tạo, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động liên quan đến quá trình tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo thạc sĩ.
8. Được tham gia hoạt động đoàn thể, tổ chức xã hội trong cơ sở đào tạo.
9. Được bồi hoàn học phí nếu học viên không có lỗi, do vi phạm của cơ sở đào tạo dẫn đến việc không được cấp bằng thạc sĩ.
10. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V: THANH TRA, KIỂM TRA, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 34. Xử lý vi phạm

1. Xử lý vi phạm trong tuyển sinh

Người tham gia công tác tuyển sinh, thí sinh dự thi trong kỳ thi tuyển sinh có hành vi vi phạm quy chế, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

2. Xử lý vi phạm trong tổ chức, quản lý đào tạo

a) Học viên nếu vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính; bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Quy chế này, Quy chế Học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp chính quy hiện hành.

Đối với các trường hợp: thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả trong hồ sơ tuyển sinh sẽ bị buộc thôi học. Nếu phát hiện sau khi cấp bằng thì thủ trưởng cơ sở đào tạo thu hồi, hủy bỏ bằng thạc sĩ đã cấp đối với người vi phạm;

b) Công chức, viên chức, người lao động tham gia quản lý, giảng dạy, hướng dẫn, đánh giá luận văn tại cơ sở đào tạo nếu vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị tạm dừng việc giảng dạy, hướng dẫn luận văn, tham gia hội đồng đánh giá luận văn trong thời hạn tối thiểu một năm, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Cơ sở đào tạo nếu vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các trách nhiệm pháp lý khác đã được quy định. Trong trường hợp này, thủ trưởng cơ sở đào tạo và những người trực tiếp vi phạm bị xử lý kỷ luật; người vi phạm gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Thủ trưởng cơ sở đào tạo có trách nhiệm thông báo về việc xử lý vi phạm đối với thí sinh, học viên, cán bộ, giảng viên tới cơ quan, đơn vị hoặc tới địa phương nơi người đó đang làm việc, cư trú. Cơ quan có thẩm quyền xử lý cơ sở đào tạo vi phạm thông báo cho cơ quan chủ quản và thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

CHƯƠNG VI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 35. Tổ chức thực hiện

Quy định này áp dụng từ năm học 2018-2019 trở đi và thống nhất áp dụng trong toàn Trường.

Điều 36. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Trong quá trình thực hiện, tùy theo yêu cầu thực tế, Quy định này sẽ được điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp. Việc điều chỉnh, sửa đổi Quy định do Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội xem xét và quyết định./.